TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/HS-ST.
Ngày: 18-7-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Phú.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Ngọc Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đức Xuân Thương– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 74/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1989 tại Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1960; Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 03 người con; Có vợ tên Đào Thị T, sinh năm 1990 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án: Ngày 05/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Hiện chưa chấp hành đóng án phí và các khoản bồi thường dân sự.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/8/2008 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 39 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Cưỡng đoạt tài sản. Chấp hành xong ngày 17/7/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/3/2019 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện L.

- *Bị hại:*

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985.

+ Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Đặng Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp 8, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt, bị hại anh H, chị H, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T là người đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Lúc 13 giờ 45 phút ngày 26/02/2019, T điều khiển xe mô tô không rõ biển số đến tiệm điện thoại di động Đ do anh Nguyễn Văn H làm chủ ở ấp 3, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp điện thoại bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đến tiệm, lúc này chỉ có chị Nguyễn Thị Kim H là vợ anh H đứng bán. T đi vào tiệm giả vờ hỏi mua điện thoại, yêu cầu chị H lấy cho xem 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Prime, rồi tiếp tục yêu cầu chị H cho xem 01 điện thoại Iphone 6s 64G để xem. Sau đó, T giả vờ xin chị H 01 ly nước để uống. Khi chị H đi vào phía trong nhà, cách 3 mét, khuất sau 01 cánh cửa thì T lấy 02 điện thoại trên bỏ vào túi quần xong điều khiển xe bỏ chạy. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại T mang bán cho anh Nguyễn Văn P là chủ cửa hàng điện thoại di động T ở ấp A xã B, huyện T với giá 4.000.000 đồng. Đến ngày 21/3/2019, T đến Công an xã S đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra T khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Lúc 2 giờ ngày 17/02/2019, T đến nhà chị Đặng Thị H (là bác họ của T) ở ấp 8, xã B chơi thì nhìn thấy 01 điện thoại Iphone 5S, màu đen bạc của chị H để trên bàn nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T trộm cắp điện thoại trên định mang đi bán nhưng do điện thoại có mật khẩu, không mở được nên T đã vứt bỏ trên đường.

Đến khoảng 11 giờ ngày 18/02/2019, T tiếp tục đến nhà chị H, dùng cây sắt nhặt được sau nhà, cạy cửa đột nhập vào nhà trộm cắp 01 tivi hiệu Asanzo 32 in, màu đen bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch giá 1.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 23 ngày 26 tháng 3 năm 2019 kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu gold, đã qua sử dụng có giá là 1.250.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S 64Gb, màu hồng đã qua sử dụng có giá trị là 6.250.000 đồng. Tổng trị giá: 7.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 36 ngày 24 tháng 4 năm 2019 kết luận:

- 01 tivi nhãn hiệu Asanzo 32 in, màu đen, đã qua sử dụng có trị giá là 800.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, màu đen-bạc, đã qua sử dụng có giá là 1.000.000 đồng. Tổng trị giá: 1.800.000 đồng.

Vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 64GB, tiệm điện thoại T sau khi thu mua đã bán lại cho người khác không rõ nhân thân lai lịch, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S T đã vứt bỏ, 01 tivi hiệu Asanzo T đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch nên tất cả tài sản trên không thu hồi được.

- 01 xe mô tô không rõ biển số T sử dụng vào việc phạm tội, hiện T đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch nên không tịch thu xử lý.

Về dân sự: Các bị hại yêu cầu bồi thường số tài sản bị chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 29/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T bồi thường cho các bị hại theo quy định pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô không rõ biển số bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội, hiện bị cáo T đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch nên không tịch thu xử lý được.

Đối với anh Nguyễn Văn P là chủ tiệm điện thoại di động T có hành vi tiêu thụ tài sản (02 điện thoại di động) do người khác phạm tội mà có, nhưng anh P không biết đây là tài sản do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không khởi tố.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T khai nhận: Từ ngày 17/02/2019 đến ngày 26/02/2019 bị cáo T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: ngày 17/02/2019 đến ngày 18/02/2019, tại ấp 8, xã B, huyện L, bị cáo T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, màu đen bạc, đã qua sử dụng và 01 tivi hiệu Asanzo 32 inches, màu đen đã qua sử dụng của chị Đặng Thị H. Đến ngày 26/02/2019, tại tiệm điện thoại di động Đ ở ấp 3, xã S, bị cáo T đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime, màu gold, đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 64Gb, màu hồng, đã qua sử dụng của vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Kim H. Tài sản bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 9.300.000 đồng. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu và đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nhưng do có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án:

Các vật chứng vụ án không thu hồi được, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại theo yêu cầu trị giá tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá: Bồi thường cho anh H, chị H số tiền 7.500.000 đồng, chị H 1.800.000 đồng.

01 xe mô tô không rõ biển số bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội, hiện bị cáo T đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch nên không tịch thu xử lý được.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 465.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Văn P là chủ tiệm điện thoại di động T có hành vi tiêu thụ tài sản (02 điện thoại di động) do người khác phạm tội mà có, nhưng anh P không biết đây là tài sản do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không khởi tố.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội ***"Trộm cắp tài sản"***.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 21/3/2019 .

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim H số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng), chị Đặng Thị H số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 465.000 đồng (bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị H, anh H, chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Kể từ ngày các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Trần Văn T chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. L (1);
- Công an H. L (2);
- Chi cục THADS H. L (3);
- Bị cáo (1); Bị hại (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng (6).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc An